TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 01-02-2023
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại theo hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

2. Ông Nguyễn Đình Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại theo hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

2.Bà Nguyễn Thị Thanh T1; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thanh T2; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh T3; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình

Định; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Thanh T4; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Thanh H1; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Thanh H2; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Văn H3; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Thanh H4; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

10. Hợp tác xã nông nghiệp P; địa chỉ: Thôn T2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã nông nghiệp P: Ông Võ Hữu N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Hợp tác xã); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Hộ gia đình ông có 10 thành viên được nhận ruộng theo Nghị định 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ. Hộ được nhận tổng cộng 2.412,4m2 gồm 02 thửa là thửa số 767, tờ bản đồ số 6, diện tích 1729,6m2 và thửa 545, tờ bản đồ số 6 diện tích 682,8m2. Theo tập quán canh tác tại địa phương 01 năm canh tác gồm 02 vụ, vụ đông xuân kéo dài từ tháng 11 năm trước đến khoảng tháng 03 của năm sau và vụ hè thu kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8 của năm. Hằng năm, Hợp tác xã nông nghiệp P hợp đồng với chủ các máy cày để cày ruộng cho xã viên hợp tác xã trong đó có ông. Quá trình cày ruộng, máy cày cày ruộng của gia đình ông không đạt, cụ thể:

Vụ đông xuân năm 2019 cày không đạt, ông phải thuê con gái là Nguyễn Thị Thanh H1 làm lại đất với số tiền 600.000 đồng.

Vụ hè thu năm 2019, vụ đông xuân năm 2020 không cày.

Vụ hè thu năm 2020 cày nhưng cày trễ thiệt hại tiền lúa giống 665.000 đồng.

Vụ đông xuân năm 2021 có cày nhưng không đạt.

Từ đó đến nay không cày nữa nên bỏ hoang.

Ngay từ vụ đông xuân năm 2019, ông đã phản ánh sự việc và lên gặp ông Võ Hữu N là giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp P để yêu cầu đến giám sát, xem xét lại khâu cày đất đã đạt theo yêu cầu hay chưa nhưng ông N không đến mà cho rằng tất cả mọi người đều cày 03 bận nhưng gia đình ông chỉ cày 02 bận, dùng lời lẽ

xúc phạm, lăng mạ ông, đồng thời chỉ đạo bỏ hoang toàn bộ diện tích tại hai thửa ruộng của gia đình ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hữu N bồi thường cho ông số tiền 41.078.000 đồng, trong đó tiền thuê công làm ruộng lại năm 2019 là 600.000 đồng, tiền lúa giống năm 2020 là 665.000 đồng, sản lượng lúa bỏ hoang trong 03 năm qua là 39.813.000 đồng. Căn cứ để yêu cầu bồi thường là theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Đồng thời ông yêu cầu ông Võ Hữu N phải có trách nhiệm khôi phục lại hiện trạng ban đầu tại 02 thửa ruộng của ông vì trong thời gian bỏ hoang ruộng đã mọc nhiều cây cỏ nên việc làm ruộng để gieo sạ gặp rất nhiều khó khăn.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Hữu N đồng thời ông N là người đại diện hợp pháp của Hợp tác xã nông nghiệp P trình bày: Ông là giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp P. Hằng năm, Hợp tác xã chỉ phân bổ máy cày xuống từng xóm để cày còn việc thanh toán giữa chủ máy cày và chủ ruộng tự thanh toán với nhau, Hợp tác xã không hợp đồng cày với hộ thành viên.

Hợp tác xã phân bổ cho ông Phạm Ngọc T cày diện tích vùng ruộng xóm 2 thôn T2, trong đó có ruộng ông Nguyễn Văn H với diện tích 2.275m2. Theo như ông T báo lại cho Hợp tác xã thì năm 2019, ông T cày ruộng cho ông H nhưng ông H không thanh toán. Đến vụ đông xuân năm 2020, ông T không cày nữa nhưng Hợp tác xã vận động nên ông T đã cày ruộng cho ông H nhưng khi lấy tiền cày thì ông H tiếp tục không thanh toán. Đến vụ hè thu năm 2020, Hợp tác xã phải điều máy cày khác để cày ruộng cho ông H nhưng cũng không thanh toán. Đến vụ đông xuân năm 2021, sau khi Hợp tác xã vận động thì ông T tiếp tục cày ruộng cho ông H nhưng ông H vẫn không thanh toán. Như vậy tổng cộng ông H nợ tiền cày 05 vụ. Vào ngày 06 tháng 5 năm 2021, Hợp tác xã có mời ông H và ông T đến để giải quyết việc cày nhưng ông H vẫn không thanh toán tiền cày. Cuối năm 2021, Hợp tác xã đã gửi thông báo số 15/TB-HTX vào ngày 01 tháng 11 năm 2021 để thông báo cho ông H biết và tự túc máy cày để sản xuất. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông bồi thường ông không đồng ý vì không có cơ sở.

Đối với Hợp tác xã nông nghiệp P thì hợp tác xã chỉ phân bổ máy cày nên cũng không có trách nhiệm bồi thường. Việc ông H cho rằng năm 2019 ông báo cáo lên Hợp tác xã ông T cày không đạt là không đúng. Năm 2019, Hợp tác xã không nhận được đơn thư hay phản ánh nào của ông H về việc cày không đạt.

Theo biên bản ghi lời khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc T trình bày: Ông là chủ máy cày. Hằng năm, khi đến mùa gieo sạ thì ông cùng một số cá nhân khác có máy sẽ làm việc với Hợp tác xã P để Hợp tác xã đứng ra phân chia máy cày nào cày ở đồng nào. Việc phân chia có lập hợp đồng nhưng Hợp tác xã chỉ thu 150.000 đồng tiền lệ phí. Việc tổ chức cày và thu phí như thế nào do chủ máy cày và chủ ruộng tự thỏa thuận và thu tiền theo định mức Hợp tác xã đã đề ra. Theo thỏa thuận, mỗi ruộng phải cày 02 bận (02 lượt) thu 80.000 đồng/sào (500m^2). Trường hợp hộ nào muốn cày thêm thì phải thông báo với chủ máy cày và trả tiền thêm.

Năm 2019, 2020 và vụ đông xuân năm 2021 ông cày ruộng cho ông H nhưng ông H không trả tiền công vì vậy từ vụ hè thu năm 2021 ông thông báo với Hợp tác xã và không cày ruộng cho ông H nữa.

Ông H cho rằng ông cày ruộng không đạt là không đúng vì ông cày cho cả cánh đồng không ai có ý kiến gì. Ruộng ông H chỉ cày 02 bận còn mọi người xung quanh đều cày 03 bận. Ông H yêu cầu bồi thường thiệt hại ông không đồng ý vì ông cày nhưng ông H không trả tiền nên không cày nữa và cũng không gây thiệt hại gì.

Biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 là vợ ông Nguyễn Văn H. Bà thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông H.

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ông Võ Hữu N bồi thường thiệt hại do việc chủ máy cày cày ruộng của ông không đạt và bỏ cày là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N đang cư trú tại xã P, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh T2, chị Nguyễn Thị Thanh T3, chị Nguyễn Thị Thanh T4, chị Nguyễn Thị Thanh H1, chị Nguyễn Thị Thanh H2, anh Nguyễn Văn H3 và chị Nguyễn Thị Thanh H4 vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có cung cấp đơn xin giải quyết vắng mặt của của các đương sự nêu trên nhưng đơn không có công chứng, chứng thực chữ ký do đó không đủ cơ sở để xác định đơn do các đương sự tự nguyện ký tên hay không. Do đó việc vắng mặt vẫn được xem là không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T2, chị T3, chị T4, chị H1 chị H2, anh H3 và chị H4.

[3] Xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Ông H cho rằng cày không đạt gây thiệt hại cho ông thì phải chứng minh là không đạt như thế nào và gây thiệt hại như thế nào. Tuy nhiên, ông chỉ cung cấp giấy xác nhận con gái ông là Nguyễn Thị Thanh H1 làm lại đất 05 sào ruộng cùng phiếu suất kho lúa giống. Đây không phải là chứng cứ chứng minh cày không đạt gây thiệt hại bởi lẽ theo tập quán canh tác, cày ruộng chỉ làm cho đất tơi xốp, nông dân cần phải làm đất lại cho bằng phẳng (bâm đất, bang đất, bừa, kéo đường nước). Việc ông thuê con gái làm lại ruộng không đương nhiên là do cày không đạt phải làm lại. Trong khi đó, những người cùng được ông T cày đều trình bày Hợp tác xã chỉ làm trung gian phân bổ máy cày tránh tranh giành và việc cày ruộng vẫn được gieo sạ bình thường, không có vấn đề gì. Hơn nữa, việc ông mua giống canh tác là đương nhiên mà không phải là thiệt hại do cày không đạt. Như vậy ông H cho rằng cày không đạt nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Đồng thời, Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vì sự việc xảy ra đã lâu, hiện trạng đã có nhiều thay đổi nên việc xem xét thẩm định tại chỗ không thể đảm bảo đúng thực tế tại thời điểm cày có đạt hay không.

[4] Theo như đơn khiếu nại ngày 24 tháng 11 năm 2021, ông H cho rằng hè thu năm 2019 ông N chỉ đạo không cày nên trễ việc gieo sạ. Bản tự khai ngày 30 tháng 7 năm 2022 ông khai rằng bỏ ruộng không cày vụ hè thu năm 2020, hè thu năm 2021. Biên bản đối chất, ông H lại cho rằng vụ hè thu năm 2019, vụ đông xuân năm 2020, vụ đông xuân năm 2021 không cày. Tại phiên tòa thì ông lại cho rằng từ năm 2020 đến nay không cày. Như vậy ông H không có sự thống nhất trong lời khai về việc vụ nào cày, vụ nào không. Tuy nhiên, ông T và cả ông N đều khẳng định là có cày. Việc đến vụ hè thu năm 2021 bỏ ruộng không cày là do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ông T có đơn khiếu nại và Hợp tác xã mời ông H làm việc, thông báo về việc phải thanh toán tiền cày, nếu không thanh toán thì tự túc thuê máy cày. Tuy buổi làm việc ngày 6 tháng 5 năm 2021 ông H không ký biên bản nhưng ông thừa nhận có mặt. Do đó, việc bỏ cày ảnh hưởng đến gieo sạ như ông H trình bày là không có căn cứ để chứng minh. Việc bỏ cày từ vụ hè thu năm 2021 là do ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đã có sự thông báo của Hợp tác xã nên Hợp tác xã không có lỗi.

[5] Ông H khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không chứng minh được hành vi vi phạm hợp đồng, không chứng minh được thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu có thì là của ông T hoặc Hợp tác xã nông nghiệp P. Ông H không yêu cầu hai chủ thể này bồi thường mà yêu cầu ông N là cá nhân độc lập bồi thường là cũng không đúng. Như vậy, yêu cầu của ông H là không có căn cứ. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, ông H là người trên 60 tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Võ Hữu N bồi thường số tiền 41.078.000 (bốn mươi triệu không trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên